CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

FireAnt

CTCP Nam Việt

Ngày 28/06/2024	17,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**13.8%**	**25.9%**

DT thuần
Q2/24
28.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.7| 223%
YoY: ▼2.40| -7.8%

LN thuần
Q2/24
9.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.33| 304%
YoY: ▲ 6.50| 201%

LN sau thuế
Q2/24
9.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.24| 375%
YoY: ▲ 6.58| 254%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
34.1%
YoY: +/-▲ 6.8%

ROE (TTM)
Q2/24
25.3%
YoY: +/-▲ 7.2%

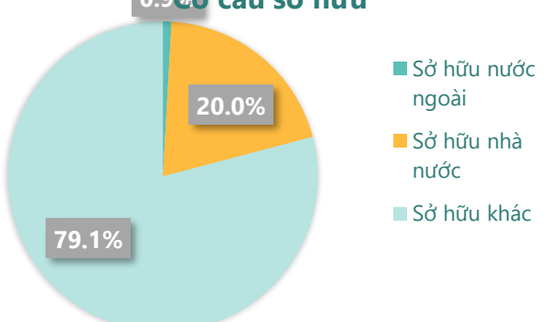
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,276 - 17,890
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
Số lượng CPLH (CP)	7,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,580
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.14
EPS	3,343
P/E	5.1

DT thuần
6T 2024
37.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.0| -44.4%

LN thuần
6T 2024
12.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.36| 77.7%

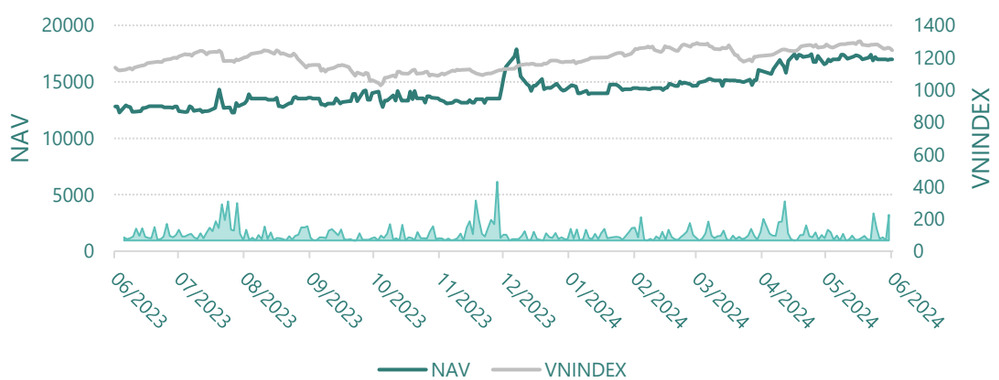
LN sau thuế
6T 2024
11.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.63| 103%

Cơ cấu sở hữu

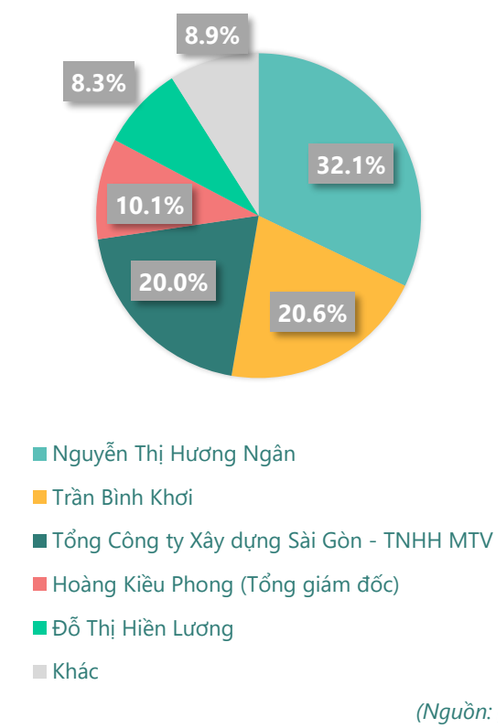


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



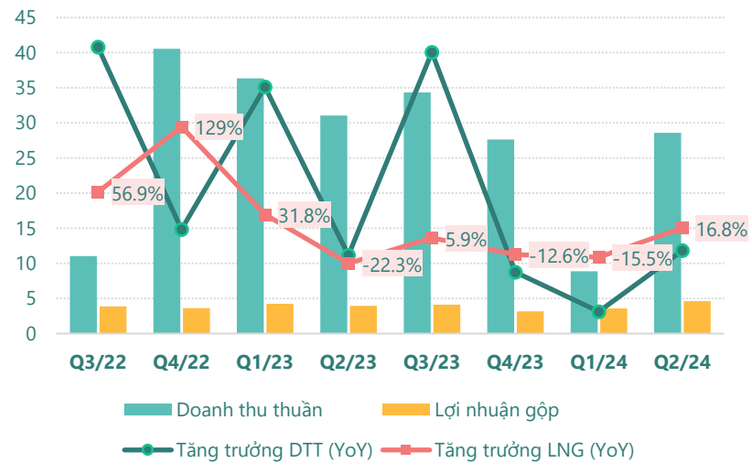
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

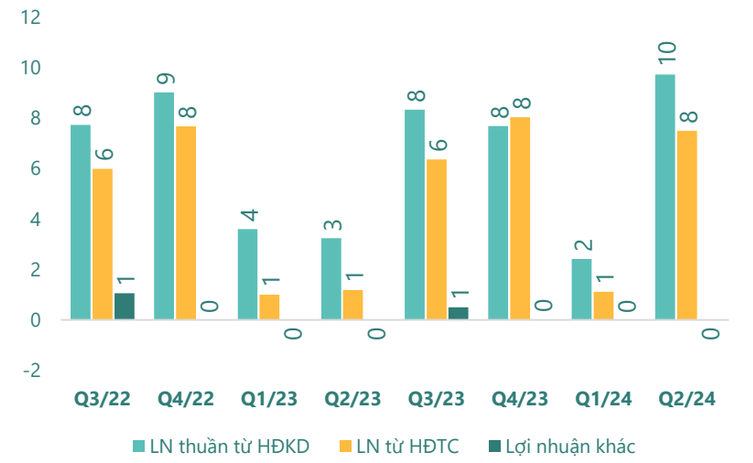
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



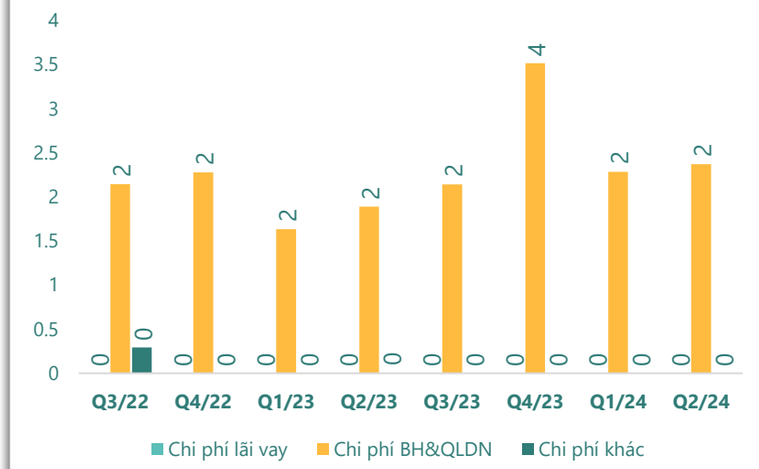
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



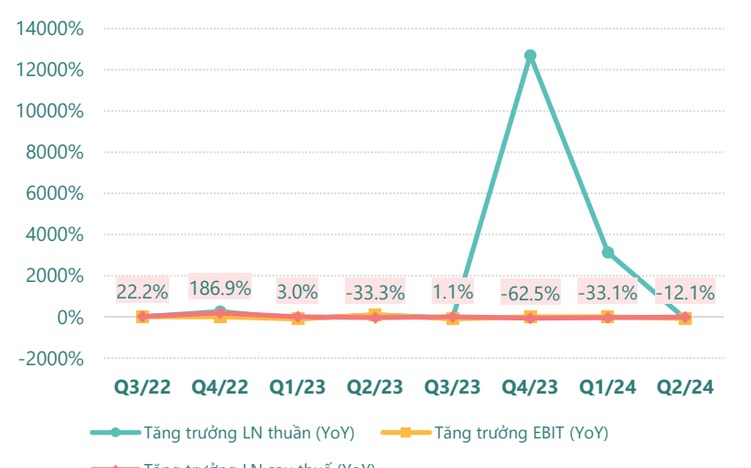
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



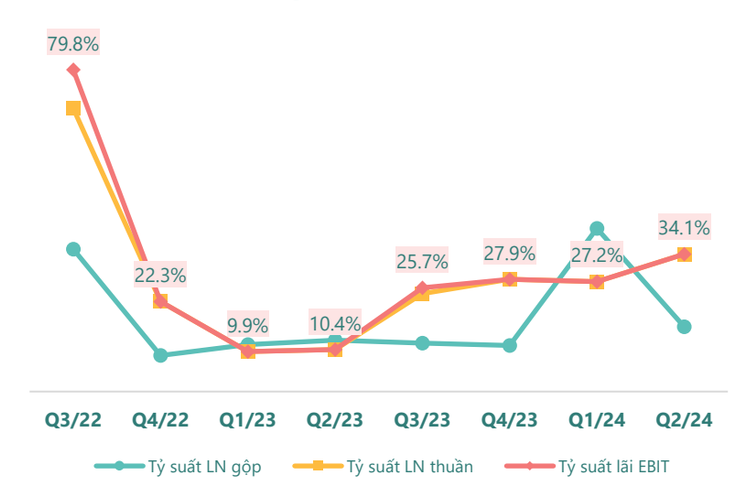
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



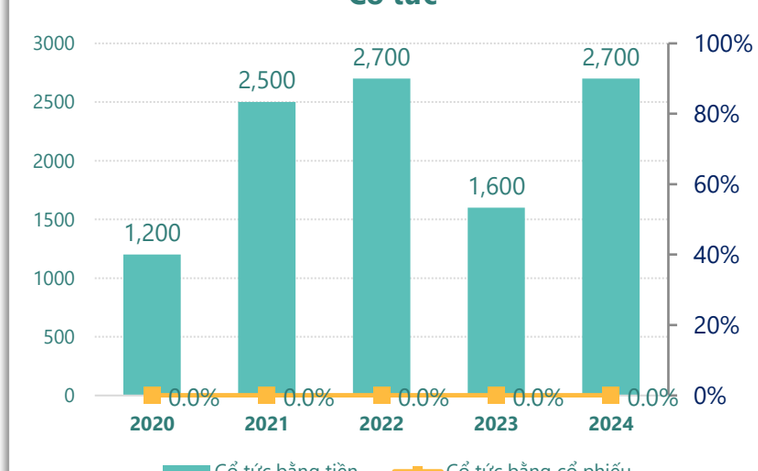
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

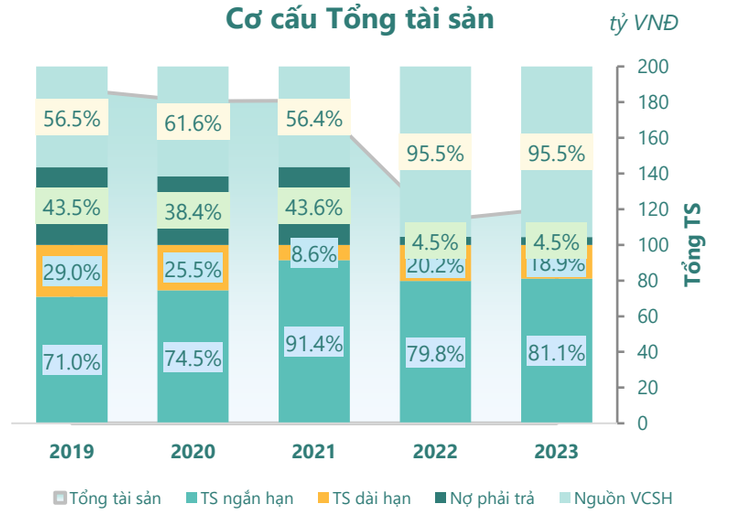
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

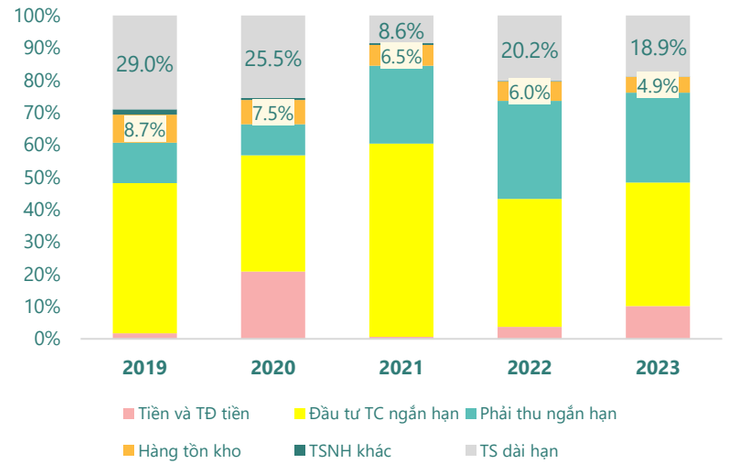
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



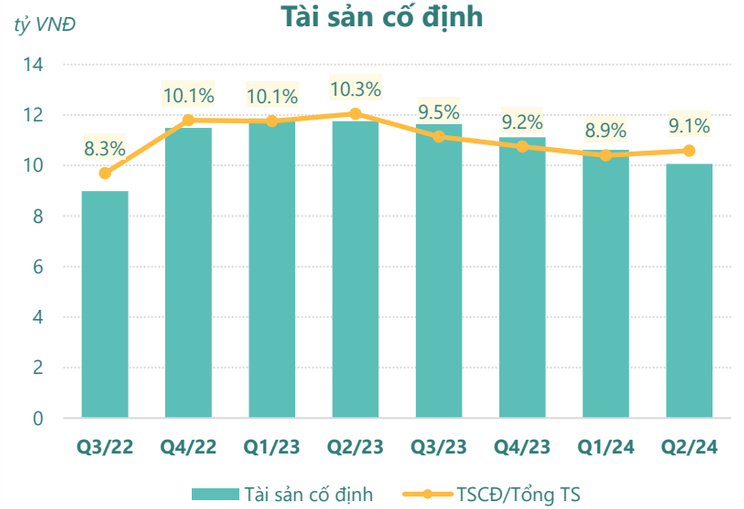
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



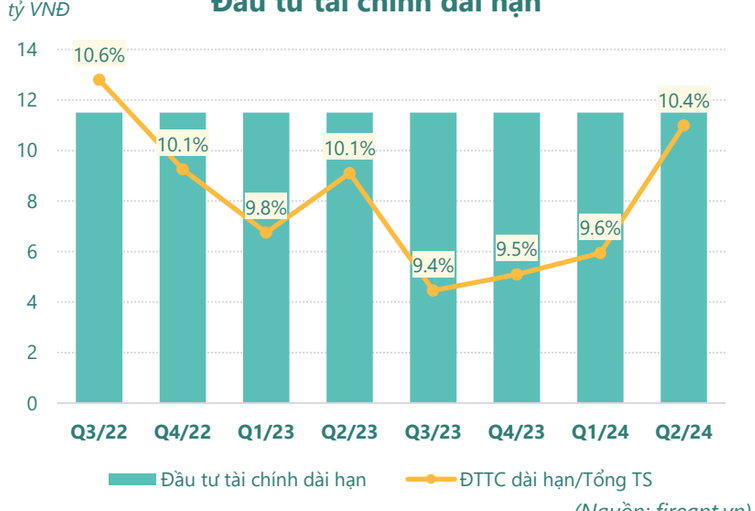
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



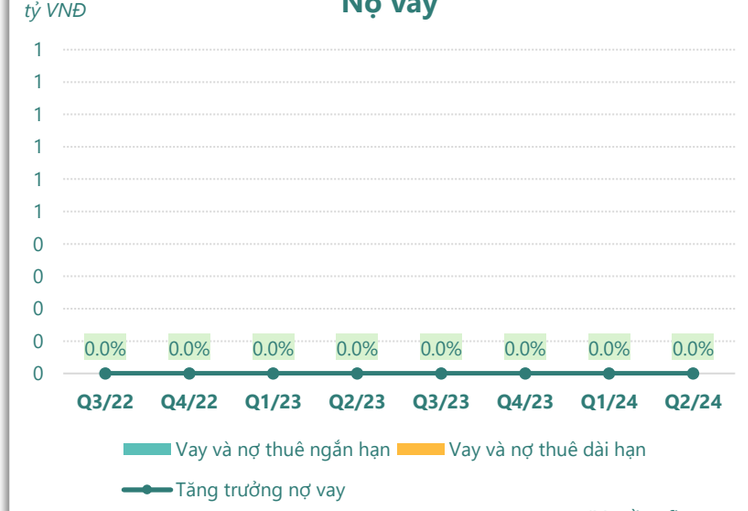
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

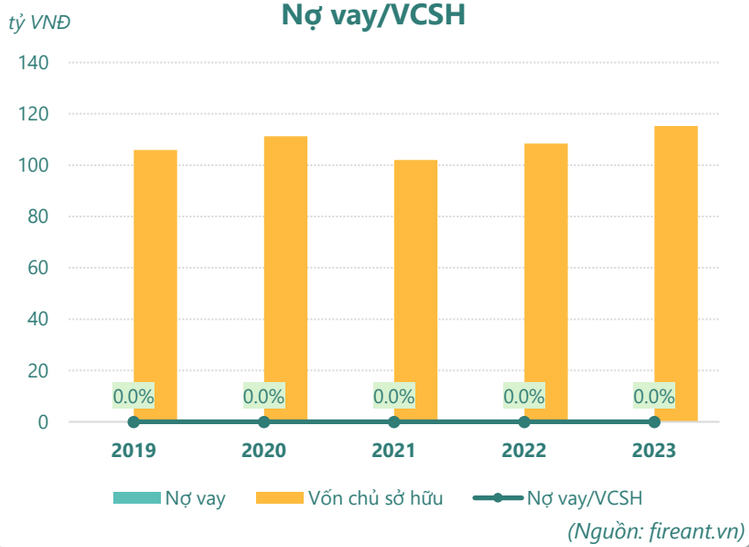
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

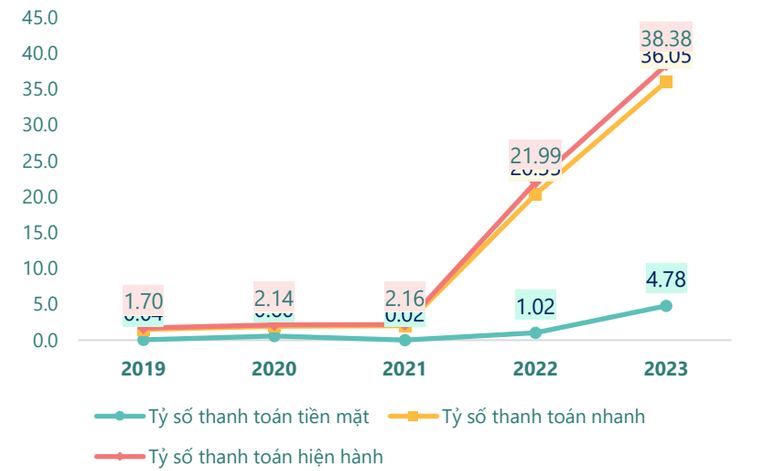
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



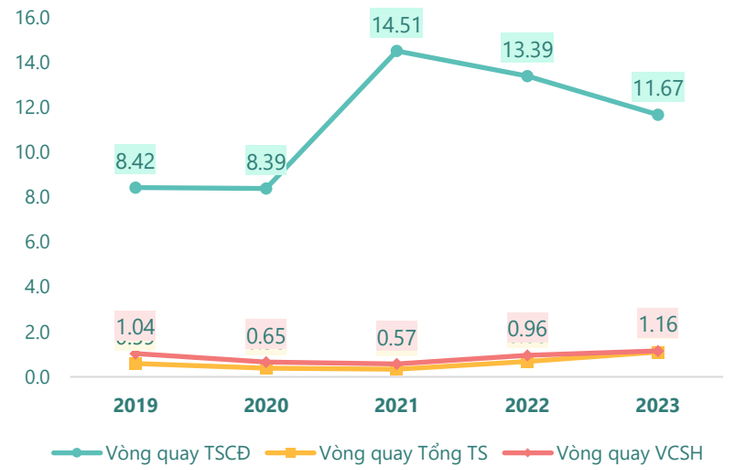
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



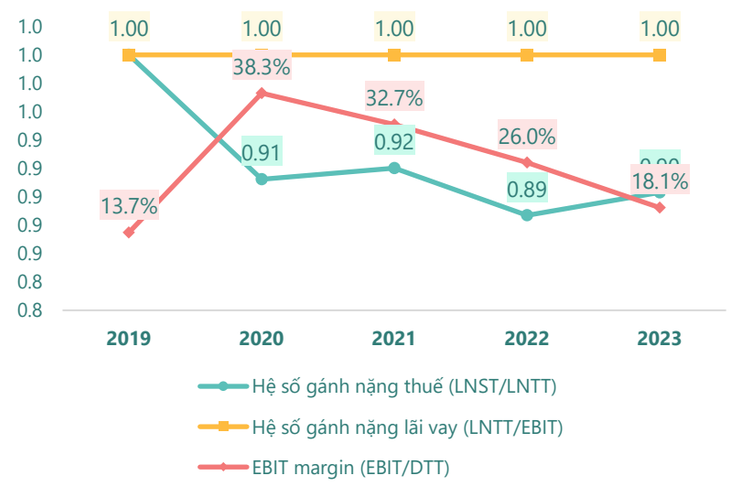
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



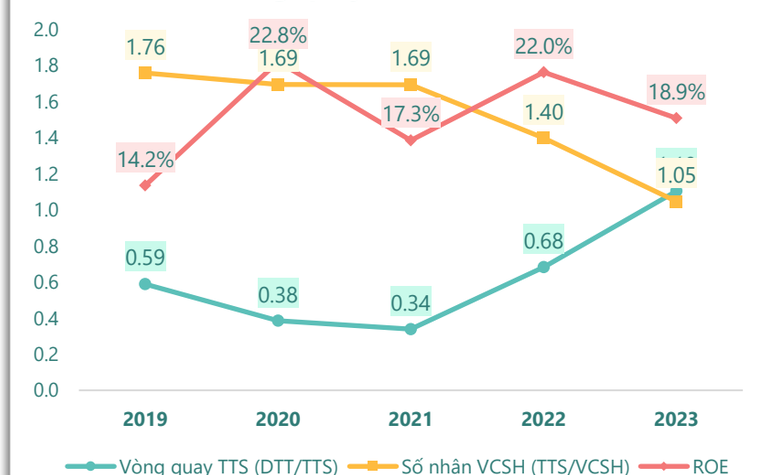
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



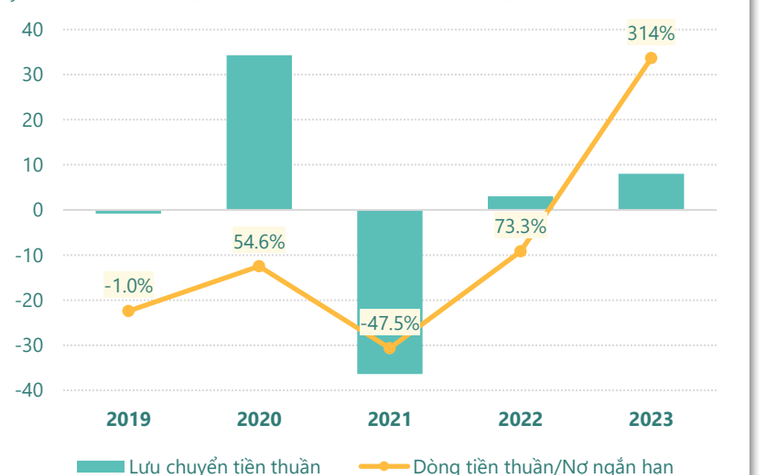
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**28.6**	**31.0**	**-7.8%**	**37.4**	**67.4**	**-44.4%**
Giá vốn hàng bán	24.0	27.1	-11.5%	29.3	59.2	-50.6%
Lợi nhuận gộp	4.60	3.94	16.9%	8.19	8.18	0.1%
Doanh thu HĐTC	7.51	1.18	536%	8.62	2.18	295%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.02	0.01	112%	0.03	0.01	153%
Chi phí QLDN	**2.35**	**1.88**	**25.0%**	**4.62**	**3.51**	**31.8%**
LN thuần từ HĐKD	9.74	3.24	201%	12.2	6.84	77.7%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**0.00**	**113%**
LN trước thuế	9.74	3.23	202%	12.2	6.84	77.8%
Lợi nhuận sau thuế	**9.17**	**2.59**	**254%**	**11.1**	**5.47**	**103%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.17**	**2.59**	**254%**	**11.1**	**5.47**	**103%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.61	3.60	-12.6	16.6	4.10	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.27	3.20	9.35	0.35	14.6	22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-6.40	0	-6.40	-5.60	-16.0
Tiền đầu kỳ	4.19	4.53	4.93	1.64	12.2	25.3
Lưu chuyển tiền thuần	**0.34**	**0.40**	**-3.29**	**10.6**	**13.1**	**-5.13**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.53	4.93	1.64	12.2	25.3	20.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**111**	**121**	**-8.1%**
Tài sản ngắn hạn	88.9	97.9	-9.1%
Tiền và tương đương tiền	20.1	12.2	64.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.6	46.1	-61.8%
Phải thu ngắn hạn	33.9	33.5	1.2%
Hàng tồn kho	15.8	5.93	167%
Tài sản ngắn hạn khác	1.48	0.09	1520%
Tài sản dài hạn	**21.9**	**22.8**	**-3.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	10.1	11.1	-9.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.5	11.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.37**	**0.20**	**84.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.84	5.38	27.2%
Nợ ngắn hạn	**4.53**	**2.55**	**77.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	2.32	2.83	-18.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**104**	**115**	**-9.8%**
Vốn chủ sở hữu	**104**	**115**	**-9.8%**
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)